REGULAR VERBS
PAST SIMPLE

Regular verbs in the Past Simple follow 4 rules.

RULE 1

Thêm -ed

Áp dụng cho hầu hết động từ.

Ví dụ:

play → played
help → helped
watch → watched
cook → cooked

RULE 2

Động từ kết thúc bằng -e → chỉ thêm -d

Ví dụ:

live → lived
close → closed
phone → phoned

RULE 3

Động từ kết thúc bằng phụ âm + y → đổi y → i rồi thêm -ed

Ví dụ:

carry → carried
study → studied
cry → cried
try → tried

Lưu ý: Động từ kết thúc bằng nguyên âm + y thì chỉ thêm -ed.
Ví dụ: play → played, stay → stayed, enjoy → enjoyed

RULE 4

Động từ có cấu tạo Phụ âm + 1 nguyên âm + 1 phụ âm thì chúng ta gấp đôi phụ âm cuối rồi thêm -ed

Ví dụ:

stop → stopped
skip → skipped

Lưu ý: nếu phụ âm cuối là x và w thì sẽ không được gấp đôi.
Ví dụ: fix → fixed

1 Complete the table with the Past Simple form.

	Base form	Past Simple
1	play	_____
2	help	_____
3	watch	_____
4	cook	_____
5	live	_____
6	close	_____
7	phone	_____
8	carry	_____
9	study	_____
10	cry	_____
11	try	_____
12	stop	_____
13	skip	_____
14	fix	_____

2 Circle the correct Past Simple form.

1	play	a. played	b. play-ed
2	close	a. closed	b. clos ed
3	study	a. studyed	b. studied
4	carry	a. carryed	b. carried
5	try	a. tryed	b. tried
6	enjoy	a. enjoyed	b. enjoyed
7	stop	a. stoped	b. stopped
8	skip	a. skiped	b. skipped
9	fix	a. fixxed	b. fixed
10	phone	a. phoned	b. phoneed

3 Write the Past Simple form of the verbs.

1 We _____ (play) football yesterday.
2 She _____ (clean) her room last night.
3 They _____ (visit) their grandparents last Sunday.
4 I _____ (study) English yesterday.
5 He _____ (cry) because he was sad.
6 The boys _____ (stop) playing when it rained.
7 We _____ (skip) in the park yesterday.
8 Dad _____ (fix) the bike last weekend.
9 She _____ (live) in Da Nang two years ago.
10 You _____ (try) your best.

4 Choose the correct answer.

1 My brother _____ (watch / watched) a movie last night.
2 We _____ (open / opened) the present yesterday.
3 She _____ (enjoy / enjoyed) the party.
4 Tom _____ (carry / carried) the heavy box.
5 They _____ (study / studied) for the test.
6 He _____ (stop / stopped) the car at the red light.
7 I _____ (try / tried) to solve the problem.
8 Mum _____ (close / closed) the door.
9 We _____ (skip / skipped) together.
10 Dad _____ (phone / phoned) me yesterday.

TIP:

✓ -ed
play → played

✓ -e → -d
live → lived

✓ y → i + ed
study → studied

✓ gấp đôi phụ âm + ed
stop → stopped
(x, w → chỉ + fix → fixed)

Well done!

LIVEWORKSHEETS